

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/HS-ST

Ngày: 11 - 08 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Minh Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đức Thắng**

Ông Nguyễn Xuân Luyện

- Thư ký phiên toà: **Bà Thạch Thị Hằng** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Lê Đăng Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST-HS ngày 20/7/2022 đối với các bị cáo:

1. TH– sinh năm: 1997; HKTT và chỗ ở: D, T, Gia Lâm, Hà Nội; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Đức Huân và bà Nguyễn Thị Tuyết; Vợ: Nguyễn Thị Th; Có 02 con: Lớn SN 2015, nhỏ SN 2019; TATS: Theo danh chỉ bản số 157 ngày 31/01/2022 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa pH cung cấp thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 21/01/2022, Huỷ bỏ tạm giữ ngày 27/01/2022. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. ĐÀM VĂN D – sinh năm: 1979; HKTT: Tổ 10B, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội; Chỗ ở: D, T, Gia Lâm, Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông Đàm Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Loan; Vợ: Ngô Thị Hg Quyên; TATS: Theo danh chỉ bản số 158 ngày 31/01/2022 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa pH cung cấp thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 21/01/2022, Huỷ bỏ tạm giữ ngày 27/01/2022. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lương Thị Minh Thủy - SN: 1983

HKTT: V, T, Gia Lâm, Hà Nội

2. Chị Kiều Thị Thu H - SN: 1975

HKTT: L, T, Gia Lâm, Hà Nội

3. Chị Phạm Thị H – SN: 1993

HKTT: Thôn C, xã B, huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/01/2022, Đội CSHS Công an quận Long Biên phối hợp với Công an phường Đức Giang tiến hành kiểm tra hành chính tầng 1 số nhà 1019 T, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội. Quá trình kiểm tra phát hiện Th(SN: 1997, HKTT: D, T, Gia Lâm, Hà Nội) cùng chị Lương Thị Minh Th (SN: 1983, HKTT: Thôn Đình Vỹ, xã T, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội) đang thực hiện Th toán hợp đồng vay tiền trong giao dịch dân sự. Tại thời điểm kiểm tra, chị Th khai báo mang số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền lãi trong khoản vay 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) mà trước đó đã trả được 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng*) với mức lãi suất là 5000đ/1.000.0000 đ/01 ngày, tương đương với 182.5%/năm. Nhận thấy cơ sở kinh doanh tại 1019 T có biểu hiện nghi vấn cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản ghi nhận nội dung vụ việc, kiểm tra tạm giữ các giấy tờ tài liệu có liên quan đến việc vay nợ và mời những người có liên quan về trụ sở để xác minh làm rõ.

Tang vật tạm giữ: 01 giấy vay tiền đề tên Th và Lương Thị Minh Th, 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Thị Minh Th, 01 giấy vay tiền đề tên Phạm Thị H, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11promax và 3.000.000 đ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ: Th và Đàm Văn D (SN: 1979, HKTT: Thôn D, xã T, Gia Lâm, Hà Nội) là người quen cùng làng. Năm 2017, D mở Công ty TNHH Dịch vụ và tài chính bet 79.vn có địa chỉ tại 1019 T, phường G, quận Long Biên, Hà Nội chuyên cho vay tài chính. Sau đó, Th về làm nhân viên cho D. Đến cuối năm 2019, do kinh doanh thua lỗ nên D để Th quản lý và kinh doanh cửa hàng và để lại cho Th số vốn 100.000.000 đ. Th sử dụng số

tiền này để kinh doanh cho vay lãi nặng với hai hình thức. Hình thức thứ nhất cho vay trả góp quy ước khi vay Th sẽ cắt lại 20% số tiền thoả thuận vay là tiền lãi, người vay nhận lại 80% số tiền thoả thuận vay, người vay sẽ phải trả góp số tiền vay trong vòng 50 ngày, có thể gộp thành các kỳ 5 ngày hoặc 10 ngày cho đến khi trả hết số tiền vay. Hình thức thứ hai là cho vay lãi ngày với lãi suất 5000 đ/1.000.000 đ/1 ngày, người vay sẽ nhận số tiền vay theo thoả thuận và đóng lãi, khi nào đóng hết lãi và gốc thì khoản vay kết thúc. Sau đó, Th thông báo cho D thì D đồng ý cho Th sử dụng cửa hàng tại 1019 T, Long Biên, Hà Nội do D thuê và đồng ý cho Th sử dụng 100.000.000đ là tiền vốn của cửa hàng do D để lại để kinh doanh cho vay lãi nặng. D để Th tự quản lý và kinh doanh cửa hàng, D không yêu cầu Th phải báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, không yêu cầu Th phải báo cáo các khoản cho vay, không yêu cầu Th phải chia lợi nhuận cố định hàng tháng. Khi nào D cần tiền tiêu xài cá nhân thì Th sẽ lấy tiền thu được từ hoạt động kinh doanh cho vay lãi và đưa cho D. Sau đó, Th đã cho khoảng 10 người vay lãi nặng, cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ được các người vay, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 30/10/2020 tại địa chỉ 1019 T, Long Biên, Hà Nội, Th cho chị Lương Thị Minh Thuý (SN: 1983, HKTT: Đình Vỹ, T, Gia Lâm, Hà Nội) vay số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) với hình thức tính lãi ngày với lãi suất 5000 đ/1.000.000 đ/1 ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9 lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Chị Thuý viết giấy vay tiền và để lại giấy phép lái xe cùng thẻ bảo hiểm y tế để làm tin. Sau đó, chị Thuý đã đóng tiền lãi cho Th trong 40 ngày với số tiền 10.000.000đ thì mất khả năng trả lãi nên xin không trả lãi nữa, chỉ trả tiền gốc thì Th đồng ý. Đến ngày 26/12/2021, chị Th mang 35.000.000 đ (*Ba mươi năm triệu đồng*) tiền mặt đến trả cho Th, còn nợ 15.000.000đ. Th yêu cầu chị Thuý phải trả 15.000.000đ tiền gốc còn lại trong vòng 20 ngày và tính thêm 5.000.000đ tiền lãi đối với khoản vay 50.000.000đ. Ngày 24/03/2021, chị Th chuyển khoản vào tài khoản 19033185601011 tại Ngân hàng Teckcombank mang tên Nguyen Đức Th số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) trong đó gồm 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền lãi và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) được trừ vào tiền gốc. Ngày 06/01/2022, chị Thuý Th toán cho Th 1.000.000đ tiền mặt. Ngày 19/01/2022, chị Thuý chuyển khoản 2.000.000đ vào tài khoản cho Th. Đến ngày 21/01/2022, chị Thuý đến cửa hàng gặp Th để trả 3.000.000đ thì bị công an kiểm tra, phát hiện. Hiện nay, chị Thuý còn nợ Th 8.000.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, Th đã thu của chị Thuý tiền 10.000.000đ tiền lãi trong 40 ngày và 5.000.000đ tiền lãi phạt thêm trong 20 ngày, sau đó Th không thu lãi nữa nên tổng số tiền lãi Th đã thu của chị Thuý là

15.000.000đ trong 60 ngày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Th được hưởng đối với khoản vay 50.000.000đ của chị Thuý trong 60 ngày là **1.643.835** (*Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng*) Như vậy, số tiền Th hưởng lợi đối với khoản vay này là **13.356.165 đ** (*Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*).

Vụ thứ hai: Khoảng đầu tháng 6/2021, Th cho chị Kiều Thị Thu H (SN: 1975, HKTT: Dốc Lã, T, Gia Lâm, Hà Nội) vay 50.000.000đ theo hình thức trả góp trong 50 ngày. Th thỏa thuận với H khi vay tiền Th sẽ cắt lại 10.000.000đ tiền lãi và đưa cho H 40.000.000đ. Sau đó mỗi ngày H phải trả góp cho Th 1.000.000đ tiền gốc trong vòng 50 ngày. Như vậy, số tiền lãi Th thu được đối với khoản vay này là 10.000.000đ trong 50 ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Sau đó, chị H đã Th toán hết số tiền gốc cho Th trong 50 ngày theo thỏa thuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Th được hưởng đối với khoản vay 50.000.000đ của chị H trong 50 ngày là 1.369.863 (*Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*) Như vậy, số tiền Th hưởng lợi đối với khoản vay này là 8.630.137 (*Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

Vụ thứ ba: Cuối tháng 7/2021 chị H tiếp tục vay của Th thêm số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) với cùng cách thức cũ. Th cũng cắt lại 10.000.000đ tiền lãi và đưa 40.000.000đ cho chị H. Sau khi trả góp được cho Th số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền gốc, chị H không còn khả năng để tiếp tục chi trả. Hết thời hạn 50 ngày, Th thông báo do H chậm trả gốc nên số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) đã trả góp Th sẽ tính là tiền lãi của khoản vay trong 50 ngày và chị H vẫn nợ Th 50.000.000đ tiền gốc. Sau đó Th không tính lãi nữa mà chỉ yêu cầu chị H trả tiền gốc. Như vậy, Th đã thu 13.000.000đ tiền lãi của chị H trong 50 ngày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Th được hưởng đối với khoản vay 50.000.000đ của chị H trong 50 ngày là 1.369.863 (*Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*). Như vậy, số tiền Th hưởng lợi đối với khoản vay này là 11.630.137 (*Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

Đến ngày 01/10/2021, Th thỏa thuận lại với chị H chuyển sang tính lãi ngày cho khoản vay 50.000.000đ với lãi suất 5000đ/1.000.000đ/1ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 04/01/2022 chị H sử dụng tài khoản số 020052329151 tại Ngân hàng Sacombank chuyển vào tài khoản 19033185601011 của Th tại ngân hàng Techcombank số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền lãi. Ngày 20/01/2022 chị H đã chuyển khoản tiếp cho Th số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi. Như vậy, từ ngày 01/10/2021 đến ngày 20/01/2022 (112 ngày), chị H đã đóng cho Th 30.000.000đ tiền lãi theo hình thức lãi ngày và vẫn nợ 50.000.000đ tiền gốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Th được hưởng đối với khoản vay 50.000.000đ của chị H trong 112 ngày là 3.608.493 đồng (*Ba triệu sáu trăm linh tám đồng bốn trăm chín mươi ba đồng*). Như vậy, số tiền Th hưởng lợi đối với khoản vay này là 26.391.507 (*Hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng*).

Vụ thứ tư: Ngày 19/12/2021, Th cho chị Phạm Thị H vay 25.000.000đ theo hình thức trả góp trong 50 ngày, hạn trả là ngày 06/02/2022. Th thỏa thuận với Hg khi vay Th sẽ cắt lại 5.000.000đ tiền lãi còn H nhận về là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và để lại giấy phép lái xe của chị Hg. Chị Hg phải trả góp cho Th mỗi ngày 500.000đ tiền gốc trong 50 ngày nhưng do ở xa nên đã thỏa thuận với Th sẽ trả góp 05 ngày một lần, mỗi lần 2.500.000đ. Như vậy, số tiền lãi Th thu được đối với khoản vay này là 5.000.000đ trong 50 ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chị Hg đã sử dụng tài khoản 15110000714231 mang tên Phạm Thị Hong tại Ngân hàng BIDV chuyển vào tài khoản 19033185601011 mang tên Nguyen Duc Th tại Ngân hàng Techcombank để Th toán tổng cộng 15.000.000đ tiền gốc, đưa 2.500.000đ tiền mặt cho Th và còn nợ 7.500.000đ tiền gốc. Khi chưa hết hạn Th toán theo thỏa thuận thì Th bị công an bắt. Do ngày 21/01/2022 hành vi cho vay lãi nặng của Th bị phát hiện và chị Hg đã đóng tiền lãi trước thời hạn nên đối với khoản vay này, số tiền lãi 5.000.000đ Th cắt lại ban đầu được tính từ thời điểm ngày 19/12/2021 đến ngày 21/01/2022 tương đương với 34 ngày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Th được hưởng đối với khoản vay 25.000.000đ của chị Hg trong 34 ngày là 465.753 (*Bốn trăm sáu mươi năm nghìn*

bảy trăm năm mươi ba đồng). Như vậy, số tiền Th hưởng lợi đối với khoản vay này là 4.534.247(Bốn triệu năm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Tại cơ quan điều tra, Th và Đàm Văn D khai nhận như trên, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại kết luận giám định số 3374 ngày 26/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Lương Thị Minh Th (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký tên Lương Thị Minh Th trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M3) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lương Thị Minh Thủy trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký đứng tên Lương Thị Minh Thủy trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) có phải là chữ do cùng một người viết ra hay không.

Chữ viết có nội dung “đã Th toán 35 triệu gốc....2 triệu 19/1/2022” tại mặt sau mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ viết đứng tên Th trên các mẫu so sánh (Ký Hiệu M4 đến M6) là chữ do cùng một người viết ra

Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Thị H (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Thị H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M7 đến M9) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Bản cáo trạng số: 115/CT-VKS ngày 30 - 05 - 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Đức Th, Đàm Văn D về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức Th, Đàm Văn D đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Hành vi của các bị cáo vi phạm vào khoản 1 Điều 201 của BLHS 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 201; Khoản 3 Điều 201 điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đức Th, Đàm Văn D.

Về hình phạt:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Th từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.
- Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung:

- Đề nghị phạt bị cáo Th từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.
- Đề nghị phạt bị cáo D từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về xử các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 của bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đề nghị truy thu của các bị cáo Th và Đàm Văn D số tiền gốc 175.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định là 8.457.807 đồng để sung quỹ Nhà nước trừ đi số tiền 3.000.000 đồng đã tạm giữ của Th và Đàm Văn Dũng.

- Đề nghị Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc của người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho các bị cáo là 65.500.000 đồng cụ thể: Truy thu của chị Lương Thị Minh Th số tiền 8.000.000 đồng, truy thu của chị Kiều Thị Thu H số tiền 50.000.000 đồng, truy thu của chị Phạm Thị H 7.500.000 đồng.

- Đề nghị các bị cáo Th và Đàm Văn D trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá 20% / năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể: Trả cho chị Lương Thị Minh Th số tiền 13.356.164 đồng, trả cho chị Kiều Thị Thu H số tiền **47.191.781 đồng, trả cho chị Phạm Thị H số tiền 4.534.247 đồng.**

- Đề nghị cho tịch thu 01 điện thoại Iphone 11promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức Th

Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật-tài liệu, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: - Từ ngày 30/12/2020 đến ngày 21/01/2022 tại 1019 T, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội bị can Th và Đàm Quang D có hành vi cho chị Lương Thị Minh Th vay 50.000.000 đ với lãi suất gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính **13.356.165 đ** (*Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*).

- Từ tháng 6/2021 đến tháng 7/2021 tại 1019 T, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, bị can Th và Đàm Quang D có hành vi cho chị Kiều Thị Thu H vay 50.000.000đ với lãi suất gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 8.630.137 (*Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

- Khoảng cuối tháng 7/2021 tại 1019 T, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, bị can Th và Đàm Quang D có hành vi cho chị Kiều Thị Thu H vay 50.000.000đ với lãi suất gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 11.630.137 (*Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*). Đến ngày 1/10/2021, các bị can tăng lãi suất đối với khoản vay trên lên mức gấp 9 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính thêm 26.391.507 (*Hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng*). Tổng số tiền Th và Đàm Quang D thu bất chính đối với khoản vay này là: **38.021.644** (*Ba mươi tám triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*).

- Từ ngày 19/12/2021 đến ngày 21/01/2022, tại 1019 T, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội, bị can Th và Đàm Quang D có hành vi cho chị Phạm Thị H vay 25.000.000đ với lãi suất gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 4.534.247 (*Bốn triệu năm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

Tổng số tiền các bị can Th và Đàm Quang D thu lời bất chính là **64.542.193 đồng** (*Sáu mươi tư triệu năm trăm bốn mươi hai một trăm chín ba đồng*)

[3] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức Th, Đàm Văn D đã cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định

tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lung lay chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng các bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, cần có mức án tương xứng đối với hành vi của các bị cáo gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Nhân thân của các bị cáo Th và D đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS

[5] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, các bị phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Trong vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D khởi xướng giữ vai trò chủ mưu, bị cáo Th với vai trò giúp sức, cùng nhau thực hành tích cực. Vì vậy, cần cân nhắc hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đáng ra phải có hình phạt nghiêm khắc với các bị cáo mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội theo Điều 36 BLHS cũng đủ điều kiện giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[7] – Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP TANDTC truy thu của các bị cáo Th và Đàm Văn D số tiền gốc 175.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định 20%/ 1 năm là 8.457.807 đồng để

sung quỹ Nhà nước trừ đi số tiền 3.000.000 đồng đã tạm giữ của Th và Đàm Văn Dũng khi chị Lương Thị Minh Th thanh toán tiền nợ gốc. Buộc các bị cáo Th và Đàm Văn D phải truy thu số tiền gốc 172.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định là 8.457.807 đồng. Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải truy thu số tiền 90.228.903 đồng.

- Đối với khoản tiền gốc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Th và Đàm Văn D chưa trả nợ gốc cho các bị cáo. Xác định số tiền nợ gốc chưa trả là tiền các bị cáo Th và D thực hiện vào việc phạm tội, nên cần truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung quỹ Nhà nước cụ thể: Truy thu của chị Lương Thị Minh Th số tiền 8.000.000 đồng, truy thu của chị Kiều Thị Thu H số tiền 50.000.000 đồng, truy thu của chị Phạm Thị H 7.500.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% là tiền thu lời bất chính của bị cáo từ những người vay nên các bị cáo phải trả lại cho những người vay cụ thể: Trả cho chị Lương Thị Minh Th số tiền **13.356.165 đồng**, trả cho chị Kiều Thị Thu H số tiền **46.651.781 đồng**, trả cho chị Phạm Thị H số tiền **4.534.247 đồng**. Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải chịu **32.541.096 đồng**.

- Cho tịch thu 01 điện thoại Iphone 11promax thu giữ của bị cáo Th sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

Đại diện VKSND quận Long Biên đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Các vấn đề khác:

[8] Đối với những người vay còn lại, Th khai nhận do các khoản vay này đã lâu, Th không có sổ sách ghi chép, những khách vay này đều không trả nợ và đã bỏ trốn đi đâu không rõ, Th không còn giữ giấy tờ tài liệu nên không rõ nhân thân lai lịch. Vì vậy, cơ quan điều tra không đủ điều kiện để xác minh, làm rõ.

- Về án phí:

[9] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[10] Các bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Th, Đàm Văn D phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Th 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được quy đổi thành 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 15 (Mười lăm) tháng 09 (Chín) ngày.

Xử phạt: Đàm Văn D 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được quy đổi thành 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 15 (Mười lăm) tháng 09 (Chín) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày giao quyết định Thi hành án và Bản sao bản án cho Ủy ban nhân dân xã T – Huyện Gia Lâm – Hà Nội.

Giao các bị cáo Thvà Đàm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T – Huyện Gia Lâm – Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1 Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Th và Đàm Văn D truy thu số tiền gốc 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi theo quy định 20%/1 năm là 8.457.800 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng) để sung quỹ Nhà nước trừ đi số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đã tạm giữ của Thvà Đàm Văn Dưng khi chị Lương Thị Minh Th thanh toán tiền nợ gốc. Theo kỳ phần mỗi bị cáo phải truy thu số tiền 90.228.903 đồng (Chín mươi triệu hai trăm hai mươi tám nghìn chín trăm linh ba đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Thvà Đàm Văn D chưa trả nợ gốc cho các bị cáo phải truy thu sung quỹ Nhà nước cụ thể: Truy thu của chị Lương Thị Minh Th số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), truy thu của chị Kiều Thị Thu H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) , truy thu của chị Phạm Thị H 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Th và Đàm Văn D trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/1 năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho chị Lương Thị Minh Th số tiền 13.356.165 đồng (Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), trả cho chị Kiều Thị Thu H số tiền 46.651.781 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám

mười một đồng), trả cho chị Phạm Thị H số tiền 4.534.247 đồng (Bốn triệu năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải chịu 32.541.096 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) cụ thể: mỗi bị cáo trả cho chị Lương Thị Minh Th 6.678.082 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng), trả cho chị Kiều Thị Thu H số tiền 23.325.890 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), trả cho chị Phạm Thị H 2.267.123 đồng (Hai triệu hai trăm sáu bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng)

2.2 Về xử lý vật chứng:

- Cho tịch thu 01 điện thoại Iphone 11promax thu giữ của bị cáo Th

(Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/06/2022 và giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 31/05/2022)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./

Nơi nhận

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSNDTP.Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA. DS quận Long Biên;
- Cơ quan THA.HS quận Long Biên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2022

THÔNG BÁO SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: **166/2022/HS-ST** ngày **11/8/2022** của Tòa án nhân dân quận Long Biên – Hà Nội đối với các bị cáo: **TH** – sinh năm: 1997; HKTT và chỗ ở: D, T, Gia Lâm, Hà Nội và **ĐÀM VĂN D** – sinh năm: 1979; HKTT: Tổ 10B, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội; Chỗ ở: D, T, Gia Lâm, Hà Nội.

Có những sai sót do lỗi đánh máy, cần được bổ sung, sửa đổi như sau:

- Tại trang số 06 dòng thứ 02, 03 tính từ dưới lên, trang số 07 dòng thứ 07, 08 từ trên xuống, trang số 09 dòng thứ 18 từ trên xuống có ghi:

“...tôi: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”...”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

“...tôi: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”...”

- Tại trang số 11 dòng thứ 15, 16 tính từ dưới lên có ghi:

“...tôi: Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự...”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

“...tôi: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự...”

Nơi nhận

- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- CC Thi hành án DS quận Long Biên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP/TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Nam